

Số: /2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa
có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm
quản lý của Bộ Công an**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP quy định một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 125/2026/TT-BCA ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông; truy xuất nguồn gốc; ghi nhãn hàng hóa; kiểm soát viên chất lượng; nội dung, hình thức và quy trình kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố.
2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.
3. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện các hoạt động phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

Điều 3. Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá tại trung ương là Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an, thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an trong nhập khẩu.
2. Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá tại địa phương là Công an tỉnh, thành phố, thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an trong sản xuất, lưu thông theo địa bàn được phân công quản lý.
3. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Truy xuất nguồn gốc

Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an tổ chức thực hiện các nội dung về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

Điều 5. Ghi nhãn hàng hóa

1. Việc ghi nhãn hàng hóa, sử dụng nhãn điện tử và cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.
2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân áp dụng mã số, mã vạch, mã QR và các giải pháp công nghệ số khác để phục vụ truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
3. Trường hợp nội dung ghi nhãn được quy định riêng tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật, ngoài việc tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều này, các sản phẩm, hàng hóa phải được thực hiện việc ghi nhãn đầy đủ theo quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Điều 6. Thẩm quyền thành lập, thành phần, nguyên tắc và trách nhiệm của Đoàn kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, lưu thông

1. Thẩm quyền thành lập: Đoàn kiểm tra do Giám đốc Công an tỉnh, thành phố quyết định thành lập trên cơ sở kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt hoặc trong trường hợp yêu cầu kiểm tra đột xuất;

2. Đoàn kiểm tra có ít nhất 07 thành viên, thành phần gồm:

a) Trưởng đoàn là đại diện lãnh đạo Công an tỉnh, thành phố;

b) Phó Trưởng đoàn là đại diện lãnh đạo phòng chức năng thuộc Công an tỉnh, thành phố;

c) Thành viên Đoàn kiểm tra gồm: Kiểm soát viên chất lượng, cán bộ công an có liên quan, ít nhất 02 chuyên gia kỹ thuật (đại diện các Bộ, ngành hoặc Sở, ngành hoặc chuyên gia độc lập) có trình độ chuyên môn phù hợp với sản phẩm, hàng hóa được kiểm tra;

d) Thư ký Đoàn kiểm tra là cán bộ phòng chức năng thuộc Công an địa phương.

3. Nguyên tắc làm việc:

Đoàn kiểm tra làm việc theo nguyên tắc đa số khi có hai phần ba thành viên trở lên tham gia và kết luận của Đoàn kiểm tra có giá trị khi đa số thành viên tham gia Đoàn kiểm tra nhất trí, ý kiến khác được bảo lưu và ghi trong biên bản, các nội dung liên quan đến kỹ thuật phải căn cứ kết quả thử nghiệm hoặc đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng để kết luận.

4. Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

5. Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hoặc từ nguồn kinh phí hợp lệ khác theo quy định của pháp luật. Định mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 110/2025/TT-BCA và Điều 7, Điều 10 Thông tư số 24/2026/TT-BKHCN.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Kiểm soát viên chất lượng

1. Chức trách

Thực hiện hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật phục vụ công

tác kiểm tra, giám sát, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu và tham gia đề xuất biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công;

b) Thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu; lập hồ sơ, báo cáo phục vụ hoạt động kiểm tra;

c) Tham gia lấy mẫu, giám sát thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp và các hoạt động chuyên môn liên quan;

d) Phát hiện vấn đề, báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

đ) Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác phù hợp với vị trí việc làm.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Là sỹ quan thuộc biên chế trong Công an nhân dân (viết tắt là sỹ quan Công an nhân dân); có phẩm chất chính trị tốt, trách nhiệm, trung thực, khách quan;

b) Có khả năng trực tiếp thực hiện hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy trình chuyên môn;

c) Có khả năng tham gia đoàn kiểm tra, thực hiện lấy mẫu, giám sát thử nghiệm, thu thập và xử lý thông tin phục vụ hoạt động kiểm tra;

d) Có khả năng áp dụng yêu cầu quản lý rủi ro, hậu kiểm theo hướng dẫn;

đ) Có khả năng thực hiện nhiệm vụ trong môi trường số, khai thác và sử dụng dữ liệu phục vụ công việc;

e) Căn cứ tiêu chí tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này, cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại trung ương ban hành quyết định phân công sỹ quan Công an nhân dân vào vị trí kiêm nhiệm “kiểm soát viên chất lượng” phù hợp với lĩnh vực tương ứng và cấp thẻ Kiểm soát viên chất lượng; cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương ban hành quyết định phân công sỹ quan Công an nhân dân vào vị trí kiêm nhiệm “kiểm soát viên chất lượng” phù hợp với lĩnh vực tương ứng và cấp thẻ Kiểm soát viên chất lượng, đồng thời gửi cơ quan quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại trung ương để theo dõi sản phẩm, hàng hóa.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ đại học trở lên và hiểu biết về sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an được kiểm tra;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 8. Trang phục, phù hiệu và thẻ Kiểm soát viên chất lượng

1. Trang phục, phù hiệu của Kiểm soát viên chất lượng trong Công an nhân dân là quân phục, phù hiệu của lực lượng Công an nhân dân.

2. Thẻ kiểm soát viên chất lượng là giấy tờ chứng minh tư cách khi thi hành công vụ, chứa đựng thông tin về hình ảnh, họ tên, chức danh, đơn vị công tác của sỹ quan Công an nhân dân được phân công vào vị trí kiêm nhiệm “kiểm soát viên chất lượng”, do cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại trung ương hoặc địa phương cấp để sử dụng trong quá trình làm việc và xuất trình khi thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định.

3. Mã số kiểm soát viên chất lượng là số hiệu Công an nhân dân.

4. Thẻ được làm bằng bìa cứng có ép plastic; hình chữ nhật, rộng 70 mm, dài 100 mm.

5. Thẻ kiểm soát viên chất lượng gồm có 02 mặt:

a) Mặt trước thẻ kiểm soát viên chất lượng được quy định tại hình 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; có 02 đường viền màu xanh lam; nền màu vàng, chính giữa in chìm biểu tượng kiểm soát viên chất lượng đường kính 19 mm; góc trên bên trái in biểu tượng kiểm soát viên chất lượng đường kính 15 mm, góc trên bên phải in mã QR kích thước 18 mm x 18 mm.

Nội dung trên mặt trước có các thông tin:

- Quốc hiệu: Chữ in hoa, đậm, màu đen, cỡ chữ 8.
- Tiêu ngữ: Chữ in thường, đậm, màu đen, gạch chân, cỡ chữ 8.
- Thẻ kiểm soát viên chất lượng: Chữ in hoa, đậm, màu đỏ, cỡ chữ 12.
- Số hiệu: ghi mã số kiểm soát viên chất lượng, đậm, màu đen cỡ chữ 10.
- Họ và tên: Ghi họ tên sỹ quan Công an nhân dân được cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng, chữ in hoa, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.
- Chức danh: Ghi chức danh của người được cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng, chữ in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.
- Cơ quan: Ghi tên cơ quan hiện đang công tác, chữ in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.

- Ảnh chân dung của người được cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng: Mặc quân phục Công an nhân dân trên nền xanh, ảnh chụp kích thước 2 cm x 3 cm.

- Hạn sử dụng: Chữ in thường, cỡ chữ 10; dòng dưới ghi ngày hết hạn bằng số in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.

- Chức danh người có thẩm quyền ký cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng, chữ in hoa, đậm, màu đen, cỡ chữ 8.

- Chữ ký và họ tên của người có thẩm quyền ký cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng.

- Dấu của cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại trung ương hoặc địa phương cấp thẻ: Con dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ được đóng tại góc dưới bên phải mặt trước của thẻ, cùng với chữ ký của người có thẩm quyền.

b) Mặt sau thẻ kiểm soát viên chất lượng được quy định tại hình 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này có nền màu vàng, gồm:

- Dòng ghi “NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG”, chữ in hoa màu đỏ, đậm, cỡ chữ 12.

- Dòng ghi nội dung của những quy định, chữ in thường, màu đen, cỡ chữ 10.

Điều 9. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

1. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có thể gửi văn bản đến Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an đề nghị gia hạn thời gian hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu tối đa 02 lần, mỗi lần gia hạn không quá 15 ngày làm việc, trong đó nêu rõ lý do gia hạn.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không có văn bản đề nghị gia hạn hoặc không hoàn thiện hồ sơ theo quy định, Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nêu rõ các nội dung không phù hợp và gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan để xử lý theo thẩm quyền;

Việc lấy mẫu thử nghiệm phải được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật.

3. Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Việc xử lý các hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất

1. Đối tượng kiểm tra: Sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

2. Quy định kiểm tra:

a) Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật; quy định về nhãn sản phẩm, hàng hóa; các quy định liên quan của pháp luật;

b) Hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an phải bảo đảm minh bạch, chính xác, khách quan, khoa học theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an được thực hiện bởi Đoàn kiểm tra.

3. Căn cứ kiểm tra: Căn cứ kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa trong sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

4. Hình thức kiểm tra:

a) Kiểm tra theo kế hoạch

Xây dựng kế hoạch kiểm tra: Hằng năm, Công an tỉnh, thành phố căn cứ yêu cầu quản lý, diễn biến tình hình chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đánh giá tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kết quả kiểm tra kỳ trước; tình hình kinh phí và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên để xây dựng kế hoạch kiểm tra. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chậm nhất trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, kế hoạch kiểm tra của năm kế tiếp phải được ban hành.

Trước khi tiến hành kiểm tra theo kế hoạch, Công an tỉnh, thành phố thông báo trước cho tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa (cơ sở được kiểm tra) ít nhất 03 ngày làm việc.

b) Kiểm tra đột xuất

Công an tỉnh, thành phố tiến hành kiểm tra đột xuất trong sản xuất khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng trong sản xuất, bao gồm:

- Kiểm tra hồ sơ chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy (đối với các sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận và công bố hợp quy); hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với các sản phẩm, hàng hóa công bố hợp chuẩn); hồ sơ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (đối với sản phẩm, hàng hóa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng).

- Trường hợp trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có quy định liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất thì kiểm tra việc thực hiện các quy định này trong quá trình sản xuất.

b) Kiểm tra nhãn hàng hóa và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa cần kiểm tra, bao gồm:

- Kiểm tra các nội dung thể hiện trên nhãn sản phẩm, hàng hóa; các nội dung thể hiện mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật và đối chiếu với tài liệu kèm theo.

- Kiểm tra tính chính xác của việc thể hiện nội dung, thông tin quảng cáo trên nhãn (nếu có) của sản phẩm, hàng hóa.

c) Kiểm tra hoạt động kiểm soát quá trình sản xuất của cơ sở được kiểm tra liên quan đến việc tạo thành sản phẩm, hàng hóa và duy trì sự đảm bảo chất lượng bao gồm:

- Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa (tài liệu thiết kế; quy chuẩn kỹ thuật tương ứng của sản phẩm, hàng hóa).

- Kiểm tra toàn bộ quá trình sản xuất (từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm).

- Kiểm tra việc sử dụng các phương tiện đo liên quan đến quá trình sản xuất theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu (theo tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, việc sử dụng nguyên liệu bị cấm, nguyên vật liệu quá hạn sử dụng).

- Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

d) Thử nghiệm mẫu tại tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Việc kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm này được thực hiện khi phát hiện có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng sau khi thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản này và được tiến hành thông qua việc thử nghiệm do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện.

6. Trình tự, thủ tục kiểm tra

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Công bố quyết định kiểm tra (theo Mẫu 1. QĐKT - của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này) trước khi kiểm tra.

b) Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 5 Điều này.

c) Lập biên bản kiểm tra (theo Mẫu 2. BBKT - của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này). Biên bản lập xong phải có chữ ký của đại diện cơ sở được kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra và các thành viên đoàn kiểm tra.

Trường hợp đại diện cơ sở được kiểm tra không ký biên bản kiểm tra thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương nơi đang tiến hành kiểm tra hoặc đoàn kiểm tra mời ít nhất một người chứng kiến xác nhận đại diện cơ sở được kiểm tra không ký vào biên bản.

Trường hợp biên bản kiểm tra không có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương hoặc người chứng kiến thì Đoàn kiểm tra ghi rõ lý do trong biên bản. Biên bản kiểm tra có chữ ký của Trưởng Đoàn kiểm tra và các thành viên đoàn kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý.

Trường hợp Đoàn kiểm tra có lấy mẫu hàng hóa thì thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều này.

d) Báo cáo Công an tỉnh, thành phố bằng văn bản về kết quả kiểm tra và đồng thời kiến nghị Công an tỉnh, thành phố thông báo kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa (theo Mẫu 3.TBKQTN - của Phụ lục I kèm theo Thông tư này) cho cơ sở được kiểm tra ngay sau khi nhận được kết quả thử nghiệm mẫu từ tổ chức gửi thử nghiệm.

đ) Trường hợp phát hiện vi phạm thì đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra theo quy định pháp luật về kiểm tra chuyên ngành và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Lấy mẫu phục vụ thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 80 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

8. Nội dung chi lấy mẫu, đánh giá sự phù hợp phục vụ kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2026/TT-BKHCN.

Điều 11. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa trong lưu thông

1. Đối tượng kiểm tra: Hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an lưu thông trên thị trường Việt Nam.

2. Quy định kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

3. Căn cứ kiểm tra: Căn cứ kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

4. Hình thức kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này.

5. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra thông tin hàng hóa: Kiểm tra nhãn hàng hóa và tài liệu kèm theo mà quy định buộc phải có; kiểm tra mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định;

b) Kiểm tra chất lượng hàng hóa: Kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa so với quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu kèm theo; Kiểm tra các nội dung khác liên quan đến chất lượng hàng hoá;

c) Thử nghiệm mẫu tại tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Việc kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm này được thực hiện khi phát hiện có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng sau khi thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, b khoản này và được tiến hành thông qua việc thử nghiệm do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện.

Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, lấy mẫu định kỳ hoặc đột xuất thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 88 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

6. Trình tự, thủ tục kiểm tra, lấy mẫu phục vụ thử nghiệm, nội dung chi lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 10 Thông tư này.

Chương III

ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 12. Tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm, hàng hóa

1. Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

a) Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được Bộ Công an chỉ định theo quy định tại Thông tư này được tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, mức độ rủi ro trung bình thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an. Ngoài ra việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp được thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Bộ Công an chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, mức độ rủi ro trung bình thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an theo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tổ chức được chỉ định đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật.

2. Danh sách Tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công an chỉ định công bố công khai trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công an, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và được cập nhật định kỳ trước ngày 25 hàng tháng, bảo đảm minh bạch để cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan lựa chọn sử dụng.

Điều 13. Đoàn đánh giá năng lực thực tế tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Đoàn đánh giá năng lực thực tế tổ chức đánh giá sự phù hợp do cơ quan trực thuộc Bộ Công an thành lập.

2. Đoàn đánh giá có ít nhất 07 thành viên, thành phần gồm:

a) Trưởng Đoàn đánh giá là đại diện lãnh đạo Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an;

b) Phó Trưởng đoàn đánh giá là đại diện lãnh đạo phòng chức năng thuộc Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an;

c) Thành viên đoàn đánh giá gồm: đại diện các đơn vị thuộc Bộ Công an và chuyên gia của các Bộ, ngành hoặc chuyên gia độc lập có liên quan;

d) Thư ký đoàn đánh giá là cán bộ phòng chức năng thuộc Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an.

Trưởng hợp Trưởng đoàn đánh giá vắng mặt, phải ủy quyền Phó trưởng đoàn đánh giá điều hành các nội dung đánh giá thực tế.

3. Sau khi Đoàn đánh giá hoàn thành việc đánh giá tổ chức đánh giá sự phù hợp và tổ chức đánh giá sự phù hợp đã khắc phục các nội dung theo biên

bản đánh giá (nếu có), Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an ban hành quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định.

4. Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định đảm bảo.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an

1. Thực hiện chức năng là đầu mối về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân cấp của Bộ Công an, giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

3. Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công an chỉ định và xử lý vi phạm sự tuân thủ pháp luật của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

4. Kiểm tra, giám sát Công an tỉnh, thành phố về công tác kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật, bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao thuộc phạm vi quản lý thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công an theo từng thời kỳ.

6. Chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

7. Cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hóa thuộc mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao (bao gồm kết quả kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và cảnh báo vi phạm) lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an tỉnh, thành phố

1. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương; thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về chất lượng

sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất và lưu thông đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và địa bàn được phân công theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

3. Có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả kiểm tra định kỳ vào trước ngày 30 tháng 10 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu và gửi về Bộ Công an (qua Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an).

4. Thực hiện các nội dung khác khi được phân công.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và văn bản pháp luật liên quan. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công an chỉ định chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại trung ương và các quy định của pháp luật về hoạt động đánh giá sự phù hợp.

3. Định kỳ hàng quý trước ngày 25 hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cập nhật kết quả hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định theo quy định tại Mẫu số 13 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4. Thông báo cho Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an về mọi thay đổi có ảnh hưởng tới năng lực hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận đã được chỉ định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 và thay thế Thông tư số 90/2024/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định kiểm tra nhà nước và đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn trong sản xuất, nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

2. Các nội dung không được quy định tại Thông tư này, tổ chức thực hiện

theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với đơn, hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết xong thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp và quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp còn hiệu lực tiếp tục được sử dụng đến hết thời hạn nếu không trái quy định mới.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng, các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và các tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an - Bộ Công an để đề xuất báo cáo Bộ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Công an các đơn vị, địa phương (để thực hiện);
- Công báo;
- Lưu: VT, V04.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

PHỤ LỤC I
CÁC MẪU BIỂU SỬ DỤNG TRONG VIỆC KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA THUỘC
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG AN
(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BCA ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TT	Ký hiệu	Tên mẫu biểu
1	Mẫu 1. QĐKT	Quyết định kiểm tra
2	Mẫu 2. BBKT	Biên bản kiểm tra
3	Mẫu 3. TB/KQTN	Thông báo kết quả thử nghiệm.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa
có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc
trách nhiệm quản lý của Bộ Công an trong sản xuất/lưu thông**

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (1)

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 70/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an;

Căn cứ....(2).....;

Căn cứ....(3).....;

Theo đề nghị của.....(4).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất/lưu thông, gồm các thành viên sau đây:

1. Họ tên và chức vụ:..... Trưởng đoàn
2. Họ tên và chức vụ:..... Thành viên
3. Họ tên và chức vụ:..... Thành viên

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

trong sản xuất/lưu thông tại.....(5).....

- Nội dung kiểm tra: kiểm tra các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 10 đối với nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất hoặc khoản 5 Điều 11 đối với nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lưu thông.

- Thời gian kiểm tra: ghi rõ thời gian kiểm tra từ ngày tháng đến ngày tháng năm .

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, (... đơn vị soạn thảo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ra quyết định.

(2) Nếu là kiểm tra theo kế hoạch: ghi tên văn bản kế hoạch kiểm tra được phê duyệt.

Nếu là kiểm tra đột xuất: ghi căn cứ kiểm tra đột xuất phù hợp quy định tại Điều 4 Thông tư này.

(3) Văn bản quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ra quyết định.

(4) Thủ trưởng đơn vị có chức năng tham mưu đề xuất việc kiểm tra.

(5) Tên địa bàn kiểm tra.

Mẫu 2. BBKT

TÊN CƠ QUAN RA QĐ KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN KIỂM TRA **Về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất/lưu thông** Số:.....

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 70/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an;

Đoàn kiểm tra về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất/lưu thông được thành lập theo Quyết định số /QĐ- ngày tháng năm của(1) đã tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại (tên và địa chỉ cơ sở sản xuất/kinh doanh).

Thành phần đoàn kiểm tra gồm:

1..... Chức vụ: Trưởng đoàn
2.....
3.....

Với sự tham gia của

1..... Chức vụ: Thành viên
2.....

Đại diện cơ sở được kiểm tra

1..... Chức vụ: Thành viên

2.....

I. Nội dung - kết quả kiểm tra

(Ghi theo các nội dung theo thực tế kiểm tra)

II. Nhận xét và kết luận:

(Nhận xét, kết luận về các nội dung theo thực tế kiểm tra tại thời điểm kiểm tra).

III. Yêu cầu đối với cơ sở:

(Nghiêm chỉnh, chấp hành các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Khắc phục, sửa chữa và thời hạn thực hiện (nếu có) quy định tại.....; các biện pháp xử lý khác theo quy định).

IV. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

.....
.....
.....
.....

Biên bản lập.... bản như nhau và được mọi người tham dự thông qua vào
hội..... giờ..... ngày..... tháng.... năm..... tại.....

01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, ... bản lưu tại đoàn kiểm tra./.

Đại diện cơ sở được kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thành viên đoàn kiểm tra

Lưu ý: Trường hợp đoàn kiểm tra liên ngành, số lượng biên bản sẽ theo số lượng cơ quan tham gia kiểm tra và lập biên bản.

(1)Chức danh của người ra Quyết định kiểm tra.

Mẫu 3. TBKQTN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm 20....

THÔNG BÁO
Kết quả thử nghiệm mẫu

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 70/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an;

Căn cứ Quyết định số... ngày... (1);

Căn cứ vào Biên bản kiểm tra số..... ngày.....; kết quả thử nghiệm mẫu số.....;

Theo đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra.

..... (2) **THÔNG BÁO**

1. Kết quả thử nghiệm mẫu

STT	Tên mẫu, Ký hiệu/ mã hiệu	Tên cơ sở được kiểm tra	Số lô, cỡ lô, ngày sản xuất (nếu có)	Chỉ tiêu không đạt	Ghi chú

Kết luận về chất lượng mẫu:.....

2. Yêu cầu đối với cơ sở được kiểm tra/cơ sở kinh doanh:

.....
.....
.....

Nơi nhận:

- Cơ sở được kiểm tra/cơ sở kinh doanh (để thực hiện);
- Lưu: VT, (... đơn vị soạn thảo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Ghi quyết định quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm tra.

(2) Tên cơ quan kiểm tra.

PHỤ LỤC II
THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BCA ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

Hình 1. Thẻ kiểm soát viên chất lượng mặt trước

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG Số hiệu :.....	
Ảnh 2x3	HỌ VÀ TÊN:..... CHỨC DANH: NƠI CÔNG TÁC:..... ... ngày...tháng...năm CHỨC DANH NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CẤP (Ký tên, đóng dấu)	

Hình 3. Thẻ kiểm soát viên chất lượng mặt sau

NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

1. Chỉ dùng thẻ khi thi hành nhiệm vụ kèm theo trang phục.
2. Không cho mượn, làm nhàu nát, hư hỏng thẻ.
3. Khi chuyển công tác khác, phải giao Thẻ cho cơ quan quản lý.
4. Trường hợp thẻ kiểm soát viên chất lượng bị mất hoặc hư hỏng thì phải báo cơ quan quản lý biết để xử lý hoặc cấp lại theo thẩm quyền.